

Số: 120/2018/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định về việc hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị được sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ quy định thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 6282/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2018 và Tờ trình số 6707/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII tại:

a) Các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố) thuộc tỉnh;

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng áp dụng trong Nghị quyết này bao gồm:

- Cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã;
- Viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố);
- Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã;
- Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã;
- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với các đối tượng sau:

- Đối tượng đã được hưởng chế độ, chính sách tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

- Đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chính sách tinh giản biên chế;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định pháp luật;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên;

- Bác sĩ, dược sĩ, cử nhân xét nghiệm, cử nhân y tế công cộng, cử nhân công nghệ thông tin, kỹ sư công nghệ thông tin trở lên đang được bố trí công tác đúng chuyên ngành đào tạo hoặc thuộc đối tượng thu hút tại các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm: Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2010 quy định chế độ trợ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức làm công nghệ thông tin tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 53/2012/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2012 quy định chế độ thu hút đối với viên chức ngành Y tế giai đoạn 2012 - 2020 và chế độ hỗ trợ đối với viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2012 - 2017, Quyết định số 4690/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định chính sách thu hút, hỗ trợ viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2017 - 2020.

- Các trường hợp đang trong thời gian biệt phái, đang bị xem xét kỷ luật, chưa phục vụ đủ thời gian theo cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị, đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Các trường hợp bị buộc thôi việc theo quy định của pháp luật.

3. Điều kiện áp dụng

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, đối tượng áp dụng theo chính sách này phải tự nguyện xin thôi việc và được cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét thống nhất trên tinh thần khách quan, công khai, minh bạch.

4. Thời gian công tác được tính hưởng hỗ trợ thôi việc như sau (sau đây gọi chung là thời gian được tính hỗ trợ thôi việc)

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã: Thời gian được tính hỗ trợ thôi việc bằng tổng thời gian tính theo năm có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc bảo hiểm xã hội tự nguyện (nếu có đứt quãng thì được cộng dồn), chưa nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp phục viên trong cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã, lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, thời gian làm việc theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội đặc thù, thời gian làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã và thời gian hoạt động không chuyên trách cấp xã, áp

(khu phố) chưa được nhận trợ cấp thôi việc (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

b) Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã: Thời gian được tính hỗ trợ thôi việc bằng tổng thời gian công tác đảm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã, ấp (khu phố), thời gian làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã chưa nhận trợ cấp thôi việc, trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang công tác hoặc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã từng công tác. Đối với những người đang hưởng chế độ hưu trí chỉ tính thời gian tham gia công tác sau khi nghỉ hưu nhưng chưa được nhận trợ cấp thôi việc.

c) Trường hợp thời gian tính chế độ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: dưới 3 tháng thì không tính; từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 1 năm.

5. Mức hỗ trợ

Đối tượng quy định tại Nghị quyết này được tính hỗ trợ một lần với mức cụ thể như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã: Ngoài chế độ hỗ trợ thôi việc theo quy định tại Bộ Luật Lao động, Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được tính hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

- Nếu dưới 50 tuổi đối với nam, dưới 45 tuổi đối với nữ: được hỗ trợ 01 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Riêng những người có thời gian công tác dưới 10 năm được hỗ trợ thêm 03 tháng lương hiện hưởng để tìm việc làm nhưng tổng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này và mức trợ cấp thôi việc theo quy định của Trung ương tối đa không quá 90.000.000 đồng.

- Nếu đủ 50 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, đủ 45 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên hoặc có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên: được hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định.

Các trường hợp đủ điều kiện về tuổi, nhưng không đủ điều kiện về số năm đóng bảo hiểm xã hội hoặc số năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, số năm làm việc ở nơi có phụ cấp hệ số 0,7 trở lên:

+ Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội dưới 10 năm: được hỗ trợ 01 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội và 03 tháng tiền lương hiện hưởng để ổn định cuộc sống nhưng tổng mức hỗ trợ theo

quy định tại Nghị quyết này và mức trợ cấp thôi việc theo quy định của Trung ương, tối đa không quá 90.000.000 đồng.

+ Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 10 năm đến dưới 20 năm: được hỗ trợ 01 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Riêng đối với viên chức và người lao động được hưởng thêm 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2009 đến thời điểm thôi việc.

b) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã và dân quân thường trực cấp xã: ngoài chế độ hỗ trợ theo Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 07 năm 2017, Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016, Nghị quyết 49/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh được tính hỗ trợ một lần với khoản kinh phí như sau:

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

+ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

+ Thời gian nghỉ trước khi kết thúc nhiệm kỳ do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính: được hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm còn lại của nhiệm kỳ.

Trường hợp thời gian làm việc còn lại đến khi nghỉ hưu ít hơn thời gian còn lại của nhiệm kỳ: được hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm làm việc còn lại trước khi nghỉ hưu.

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã không giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ:

+ Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc, tự nguyện): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

+ Hỗ trợ 03 tháng phụ cấp hiện hưởng khi nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính.

- Đối với Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy quân sự cấp xã: Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp hiện hưởng cho mỗi năm công tác.

- Đối với công an viên xã, dân quân thường trực cấp xã:

+ Công an viên xã:

* Thời gian công tác liên tục dưới 60 tháng được hỗ trợ 01 tháng lương cơ sở cho mỗi năm công tác;

* Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, mỗi năm công tác được hỗ trợ thêm một khoản đúng bằng chênh lệch giữa mức lương cơ sở tại thời điểm thôi việc so với mức 1.300.000 đồng;

+ Dân quân thường trực cấp xã:

* Thời gian công tác liên tục từ đủ 36 tháng đến dưới 48 tháng được hỗ trợ 01 một lần mức lương cơ sở;

* Thời gian công tác liên tục từ đủ 48 tháng đến dưới 60 tháng được hỗ trợ 02 lần mức lương cơ sở;

* Thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng đến dưới 15 năm, được hỗ trợ 01 lần mức lương cơ sở cho mỗi năm công tác;

* Thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên, được hỗ trợ 1,635 lần mức lương cơ sở cho mỗi năm công tác.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cấp tỉnh, huyện, xã có thời gian làm việc không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc thì thời gian đảm nhiệm chức vụ, chức danh thực tế được tính hỗ trợ một lần như sau:

- Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố) theo quy định của tỉnh (trừ chức danh Phó Trưởng Công an xã, công an viên, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã): được hỗ trợ 1,5 tháng phụ cấp cho mỗi năm công tác theo từng nhóm chức danh quy định tại Quyết định số 69/2010/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2010, Quyết định số 03/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh khi thôi làm nhiệm vụ không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố);

- Trường hợp có thời gian làm nhiệm vụ Phó Trưởng Công an xã, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã: được hỗ trợ 1.900.000 đồng cho mỗi năm công tác.

- Trường hợp có thời gian làm công an viên, dân quân thường trực cấp xã: được hỗ trợ 1.300.000 đồng cho mỗi năm công tác.

d) Trường hợp người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã có thời gian làm nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã mà chưa được giải quyết chế độ hỗ trợ thôi việc: Mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian làm nhiệm vụ cán bộ công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã được hỗ trợ 01 tháng lương tại thời điểm thôi làm nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

6. Một số quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau khi hưởng hỗ trợ thôi việc tại Nghị quyết này

a) Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, huyện, xã đã được hỗ trợ theo Nghị quyết này, nếu có nguyện vọng làm việc tại các cơ quan, tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng thì phải nộp lại

kinh phí đã hỗ trợ theo Nghị quyết này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp lại ngân sách tỉnh (trừ trường hợp cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã có nguyện vọng và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng vào làm các chức danh không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm nhiệm vụ Phó Trưởng Công an xã, công an viên, Phó Chỉ huy Quân sự xã và dân quân thường trực xã).

b) Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), Phó Trưởng Công an xã, công an viên, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã đã được hỗ trợ theo chính sách này có nguyện vọng làm việc tại các chức danh không chuyên trách cấp xã, ấp (khu phố), làm Phó Trưởng Công an xã, công an viên, Phó Chỉ huy Quân sự cấp xã, dân quân thường trực cấp xã và được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý tuyển dụng phải nộp lại kinh phí đã hỗ trợ theo Nghị quyết này cho cơ quan, đơn vị tuyển dụng để nộp lại ngân sách tỉnh.

c) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết này, nếu có nhu cầu đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện để đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí thì được tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định của pháp luật.

7. Kinh phí thực hiện

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã, ấp (khu phố): nguồn kinh phí hỗ trợ từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh, huyện theo phân cấp ngân sách đến năm 2020, sau năm 2020 sẽ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách.

b) Đối với viên chức và người lao động làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, nguồn kinh phí hỗ trợ được sử dụng từ các nguồn kinh phí theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương của đơn vị;
- Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật trong trường hợp nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương của đơn vị không đủ cân đối nhu cầu của cơ quan, đơn vị;
- Nguồn cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh, huyện theo phân cấp ngân sách trong trường hợp nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương và nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật không đủ cân đối nhu cầu của cơ quan, đơn vị. Sau năm 2020, việc xác định nguồn kinh phí sẽ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách.

c) Đối với viên chức và người lao động làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư nguồn kinh phí hỗ trợ lấy từ:

- Nguồn thu để lại thực hiện cải cách tiền lương của đơn vị;
 - Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định của pháp luật.
- Sau năm 2020 sẽ thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách.

8. Thời gian thực hiện

Việc hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh trao đổi, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết. Định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động tổ chức, Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá IX Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- TT. HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Chánh, Phó Chánh VP. HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PTH.



Nguyễn Phú Cường